

TRIẾT HỌC NGUYỄN BÌNH KHIÊM NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ

NGUYỄN THỊ TƯỜNG DUY*

Trong lịch sử tư tưởng Việt Nam, Nguyễn Bình Khiêm nổi lên như một hiện tượng đặc biệt của thế kỷ XVI. Toàn bộ tư tưởng của ông, trong đó nổi bật là những vấn đề triết học về thế giới và nhân sinh kết liền thành một thể thống nhất, hoàn chỉnh, chứa đựng nhiều yếu tố và phương pháp tư duy tích cực của một nhà triết học, nhà văn hóa lớn. Do đó, nghiên cứu những nội dung cơ bản của triết học Nguyễn Bình Khiêm cũng như làm rõ giá trị lịch sử của nó đối với tiến trình phát triển tư tưởng Việt Nam có ý nghĩa quan trọng trong thời đại hiện nay.

Từ khóa: Nguyễn Bình Khiêm, tư tưởng, giá trị lịch sử

Nhận bài ngày: 9/7/2023; đưa vào biên tập: 12/7/2023; phản biện: 3/10/2023; duyệt đăng: 11/10/2023

1. DẪN NHẬP

Việt Nam là quốc gia có truyền thống kiên cường bất khuất trong đấu tranh dựng nước và giữ nước. Trải qua bao thăng trầm, nhân dân Việt Nam không những giữ gìn vững chắc chủ quyền, bờ cõi mà còn tạo dựng được nét văn hóa đặc sắc riêng mang trí tuệ và bản lĩnh Việt Nam. Do đó, việc nghiên cứu tư tưởng dân tộc nói chung và tư tưởng triết học nói riêng sẽ làm rõ quá trình vận động và phát triển của lịch sử tư tưởng dân tộc. Nghiên cứu về

tư tưởng Việt Nam thế kỷ XVI, không thể không nhắc đến Nguyễn Bình Khiêm, người được mệnh danh là nhà thơ triết lý. Tư tưởng triết học của ông thể hiện qua thơ ca, qua phong cách, lối sống, chứa đựng những nội dung triết lý sâu sắc về thế giới quan, vũ trụ quan và nhân sinh quan nhân văn, tích cực.

2. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN TRONG TRIẾT HỌC NGUYỄN BÌNH KHIÊM

2.1. Quan niệm về sự hình thành và quá trình vận động, biến chuyển của vũ trụ

Kế thừa tư tưởng của Phật, Nho, Lão, thế giới quan trong tư tưởng triết học

* Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn Bình Khiêm dựa trên nền tảng học thuyết tam giáo. Ảnh hưởng của lý học Tống Nho, cộng hưởng với sự tinh thông Dịch lý nên quan điểm của Nguyễn Bình Khiêm về vũ trụ được đặt căn bản trên triết lý *Kinh Dịch* và triển khai các vấn đề về thế giới, về khởi nguyên vũ trụ, trời đất theo hướng lý - khí.

Khí - bản nguyên hình thành vũ trụ và vạn vật

Nguyễn Bình Khiêm quan niệm mọi sự vật, trời đất và con người đều được hình thành từ “khí”, do sự phân chia của “thái cực” mà thành. Theo nguyên lý của *Kinh Dịch*, vũ trụ ban đầu chỉ là một khối hỗn độn, mờ mịt, chưa hình, chưa dạng nhưng lại chứa đựng một “lý” huyền diệu gọi là “thái cực”. Khi luận giải khởi nguyên của vũ trụ, trời đất và vạn vật, Nguyễn Bình Khiêm cũng xuất phát từ nguyên lý của *Kinh Dịch* xem thái cực là hình thái tồn tại đầu tiên, thông qua quá trình phân khí dẫn đến sự hình thành nên vũ trụ, chuyển đổi thành trời, đất. Ông viết: “Thái cực lúc mới phân chia, Vị trí của thiên, địa, nhân đã định, Trong, nhẹ bay lên là trời, Đục, nặng lắng xuống là đất, Ở giữa kết tụ là người, Sinh ra vốn cùng một khí” (dẫn theo Đinh Gia Khánh, 2005: 1344).

Nguyễn Bình Khiêm thừa nhận bản thể vũ trụ khởi đầu chỉ có thái cực, sau đó thái cực sinh lưỡng nghi, là khí âm và khí dương, từ đó sinh ra trời, đất, vạn vật và con người; và thái cực tồn tại dưới dạng nhất nguyên “khí”. Theo Nguyễn Bình Khiêm, khí dương

trong, nhẹ thì bay lên hình thành nên trời; khí âm đục, nặng lắng xuống kết tụ thành đất, con người thì ở phần trung, tức ở giữa trời đất, là sự kết hợp của khí dương và khí âm. Tất cả đều do quá trình phân chia của thái cực mà bản nguyên của nó là “khí”. “muốn biết cái cơ dương phát triển, âm tiêu tan, thì hãy tìm xem trong trạng thái tĩnh của thái cực” (dẫn theo Đinh Gia Khánh, 2005: 1168).

Dù đặt “thái cực” lên trên hết, từ thái cực mà vạn vật sinh sôi từ cái cây, ngọn cỏ, cho tới sông sâu, núi cao... nhưng Nguyễn Bình Khiêm lại tập trung cốt lõi vào “khí”. “Khí” là bản nguyên của vũ trụ. Song, *khí* chưa có hình hài cụ thể, do đó vũ trụ cũng không hình, không tướng, không tên, không sắc. Vũ trụ xuất phát từ khí nên vũ trụ không ngừng vận động, biến đổi do sự tương tác của âm dương, phát triển đến cùng cực thì quay lại vị trí xuất phát ban đầu theo nguyên lý của thái cực.

Sự vận động, biến chuyển của vũ trụ và vạn vật

Nguyễn Bình Khiêm thừa nhận sự vận động và biến đổi của vũ trụ là một quá trình rất phức tạp và lâu dài, là sự kết hợp của hai thể lực *âm dương (lưỡng nghi)* rồi sinh ra *tứ tượng*, chứ không phải ngay lập tức đã có vạn vật trong vũ trụ. Cũng như các nhà tư tưởng Tống Nho, tư duy dựa trên nền tảng *Kinh Dịch*, Nguyễn Bình Khiêm quy mọi sự biến chuyển, đổi thay trong vũ trụ vào hai phạm trù âm dương, từ âm dương vận động, giao hòa mà phát

sinh ra phạm trù mới, quá trình phát sinh này tức là biến đổi: “Dịch có thái cực, thái cực sinh ra lưỡng nghi (âm dương), lưỡng nghi sinh ra tứ tượng (bốn mùa), tứ tượng sinh ra bát quái (tám quẻ)... Từ bát quái cấu tạo thành 64 quẻ”. Nhờ âm, dương vận xoay mà cội nguồn vạn vật được lý giải cũng như biết được thời thế thịnh, suy. Nguyễn Bình Khiêm viết: “Khí âm khí dương đi qua rồi trở lại, suy ra có thể biết trước” (dẫn theo Đinh Gia Khánh, 2005: 1206); “Khi tĩnh, ngẫm những sự tiêu tan và lớn lên của khí âm khí dương, Sau mùa nắng nóng sẽ đến tiết sương đậm” (dẫn theo Đinh Gia Khánh, 2005: 1197).

Đối với Nguyễn Bình Khiêm, mọi vật đều luôn luôn lưu động, biến đổi, khí vận xoay vòng, hết rồi lại bắt đầu, trắng tàn rồi lại mọc, hết xuân rồi lại thu, vạn vật biến chuyển không ngừng: “Khí âm khí dương tiêu tan và lớn dần, cùng thôi thúc lẫn nhau, quẻ Bác (âm thịnh) đi qua, nên biết là quẻ Phục (dương phục hồi) lại đến” Mọi sự vật hiện tượng luôn luôn biến đổi, vận động không ngừng: “xưa đi, nay đến đều như thế”, “Chu kỳ thăng giáng, sinh rồi diệt; Năm Tý qua đi, có Sửu, Dần...” (dẫn theo Đinh Gia Khánh, 2005: 1102).

Khi nói về sự biến đổi của vạn vật, Nguyễn Bình Khiêm đã dựa trên nguyên lý vận hành âm dương. Đó là hai mặt có cấu tạo và khuynh hướng hoạt động trái ngược nhau. Nguyễn Bình Khiêm đã thấy rằng các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên đều chứa

đựng những mâu thuẫn và sự vận động, biến đổi chính là quá trình chuyển hóa, thay thế lẫn nhau của những mâu thuẫn tương phản. Chính những xu hướng trái nhau đó là điều kiện để vạn vật chuyển hóa. Âm thịnh thì dương suy, âm đi thì dương đến, giữa chúng luôn có sự bù trừ lẫn nhau, tự điều chỉnh để tính hệ thống trong các sự vật và hiện tượng luôn tồn tại và phát triển. Thừa nhận trời đất, vạn vật biến đổi, chuyển hóa không ngừng, không gì là mãi mãi, nhưng sự biến đổi, vận động trong quan niệm của Nguyễn Bình Khiêm là sự biến đổi tuần hoàn, sự phát triển mang tính chất khép kín, hết thăng thì giáng, đầy rồi vơi. Vạn vật vận động, phát triển trong sự đắp đổi, thay thế luân phiên nhau, hết rồi lại bắt đầu, giống như trời có bốn mùa, hết đi rồi lại lại. Mọi chuyện trong trời đất, nhân tình thế thái đều cùng chung nhau ở chỗ đến rồi đi, đi rồi lại: “Thế sự tuần hoàn hay đắp đổi, từng xem thua được một hai phen” (dẫn theo Đinh Gia Khánh, 2005: 1503).

2.2. Quan niệm về con người, bản tính của con người và đạo lý làm người trong xã hội

Quan niệm về con người và bản tính con người

Nguồn gốc con người và những vấn đề phức tạp trong cuộc sống con người cùng xã hội loài người luôn là nội dung trọng yếu mà các nhà triết học từ Tây sang Đông tập trung nghiên cứu và cố gắng làm rõ. Hầu hết các học thuyết triết học đều đề

cập và luận giải về nguồn gốc, bản tính, vai trò, sự biến đổi và phát triển của con người, xã hội loài người trong sự vận động và biến đổi nói chung của thế giới.

Ở Việt Nam, khi lý giải nguồn gốc con người, các nhà tư tưởng có quan điểm tương đồng với quan niệm dân gian về cội nguồn của con người. Thông qua ca dao, tục ngữ, hò, vè, dân gian Việt Nam cho rằng con người là tinh hoa của đất trời, “người là hoa của đất”. Nguyễn Bình Khiêm cũng thừa nhận con người là do sự kết tụ những tinh túy của trời đất mà thành. Khí thanh trong nhẹ bay lên là trời, nặng đục lắng xuống làm đất, con người kết tụ ở giữa và tất cả cùng xuất phát từ *khí*, do *khí* mà ra. Với quan điểm này, Nguyễn Bình Khiêm đã khẳng định sự xuất hiện của con người với tính cách là sự kết hợp hài hòa giữa trời và đất. Giữa con người và vạn vật đã có một sự khác biệt rõ nét. Đó là vị trí con người trong tam tài đã tạo điều kiện cho con người nhận được những gì tinh túy, trong sạch nhất của trời, sự bền vững về mặt kết cấu vật chất của đất. Mặt khác, do bản thể của vũ trụ là khí, nên con người về nguồn gốc có chung yếu tố với các bộ phận cấu thành của vũ trụ. Mọi hoạt động của con người đều do các quy luật tự nhiên chi phối, đó là sự vận hành, biến đổi không ngừng của âm dương, ngũ hành.

Khi thừa nhận con người có nguồn gốc từ *khí*, được sinh ra giữa trời và đất, Nguyễn Bình Khiêm cũng đã chỉ

ra được mối quan hệ hữu cơ giữa con người với vũ trụ thông qua học thuyết Tam tài. Tam tài là học thuyết về cấu trúc không gian vũ trụ gồm ba yếu tố tác động biện chứng với nhau gồm: Thiên - Địa - Nhân, mối quan hệ giữa những bộ phận này cấu thành một chỉnh thể thống nhất có cùng chung một bản thể là *khí*. Thừa nhận con người và trời đất, vạn vật đều “bẩm thụ cùng một khí”, Nguyễn Bình Khiêm cho rằng: Con người sinh ra trong vũ trụ có thể hòa hợp cùng trời đất, cảm thông với muôn vật. Con người và vạn vật trong trời đất luôn bình đẳng với nhau. Ông quan niệm “vật ngã đồng nhất”, “thiên nhân tương dữ”, “Trời, người nào có khác xa đâu” (dẫn theo Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 778). Quan điểm này cho thấy, Nguyễn Bình Khiêm nhận thức được sự hình thành con người gắn liền với sự vận hành của trời đất, vũ trụ, thừa nhận con người là tinh túy của tự nhiên thông qua quá trình sinh hóa lâu dài; nhìn thấy sự tồn tại của con người trong mối quan hệ với tự nhiên, tự nhiên là cơ sở tồn tại của con người.

Trong quan niệm về bản tính con người, Nguyễn Bình Khiêm đã tiến gần đến việc lý giải bản tính thiện của con người và thấy được nguyên nhân làm cho con người mất dần bản tính vốn có của mình. Theo Nguyễn Bình Khiêm, khi con người khắc phục được những cản trở trên con đường tu thân, hành thiện thì sẽ đến được với tâm trọn vẹn, khi đó tâm và chí sẽ hòa làm

một, và chí của bậc thánh hiền hay bậc quân tử là chí đã đạt đến chỗ cực thiện. Nguyễn Bình Khiêm còn phân loại “người ba đẳng, của ba loài” với từng loại chí như sau: “Có người chí để ở đạo đức, có người chí để ở công danh, có người chí để ở nhàn dật” (dẫn theo Vũ Ngọc Khánh, 1998: 327). “Chí” để ở đạo đức chính là chí thiện, là sự khôi phục tính thiện bẩm sinh của con người. Chính bản thân của Nguyễn Bình Khiêm là một đại biểu tiêu biểu cho nhà nho chân chính với chí để ở đạo đức.

Nguyễn Bình Khiêm thừa nhận bản tính con người là thiện, do trời phú, nhưng do bị vật dục che lấp nên con người rời xa bản tính của mình. Do đó, để khôi phục lại tính thiện của con người, Nguyễn Bình Khiêm chủ trương phải xóa bỏ vật dục. Ông nói: “Dục vọng mà thắng thì lòng thiện tự nó phải mất, tính khí mà kiêu thì ý chí trôi đi hết”, “Người ta tính vốn thiện (nhưng) tự ràng buộc ở bẩm khí bị che lấp vì vật dục, có kẻ không giữ được trọn vẹn (tính thiện) như thuở mới đầu sinh ra, trở nên kiêu xa, biển lận, gian tà, thiên lệch, không có điều gì không làm” (dẫn theo Đinh Gia Khánh, 2005: 332), hay “trời cao ban xuống tấm lòng thiện, con người có đủ đạo thường, kẻ nào tự ràng buộc vào bẩm khí chạy theo dục vọng thì trở nên nguy hại, chìm chìm nổi nổi, co ro cúm rúm, bừa bãi gian tà, không biết cái gì là sai trái” (dẫn theo Vũ Ngọc Khánh, 1998: 333). Nguyễn Bình Khiêm cũng tin rằng thiên lý là sẵn có

nơi lòng người và dù có bị lu mờ vì tư dục thì cũng không bao giờ mất hẳn. Ông đã đề cao hoạt động phục hồi tính thiện của mỗi cá nhân con người với tư cách là thực thể của xã hội. Song chính môi trường xã hội lại là chỗ để từng cá nhân tự điều chỉnh mình trong khuôn khổ các quan hệ với người khác, với tự nhiên, để đạt được sự hài hòa, duy trì sự tồn tại của xã hội. Ở góc độ này, tư tưởng triết học của Nguyễn Bình Khiêm về con người có ý nghĩa nhân sinh và triết lý giáo dục sâu sắc.

Đạo lý làm người trong xã hội

Trong nhân sinh quan Nguyễn Bình Khiêm, vấn đề được đề cập, được quan tâm nhiều nhất và trước nhất là đạo lý làm người. Triết học Nguyễn Bình Khiêm không có tham vọng giải thích nguồn gốc thế giới mà chủ yếu hướng về mặt triết lý nhân sinh, hướng vào con người, vào việc khuyên răn giáo huấn con người về mặt đạo đức, về lẽ sống và cách xử thế ở đời.

Khi đề cập đến đạo lý làm người, Nguyễn Bình Khiêm nêu ra cụ thể, chi tiết một loạt những chuẩn mực đạo đức đối với từng mối quan hệ xã hội như: *hiếu, trung, thuận, hòa...* nhưng đầu mối của tất cả các chuẩn mực đều tập trung ở chữ *trung*. Ông giải thích: “Trung nghĩa là trung chính vậy, đứng giữa không chênh lệch. Giữ được toàn vẹn tính thiện của mình là trung, không giữ toàn vẹn được tính thiện của mình thì không phải là điều trung vậy. Tân tức là bền vậy.

Biết chỗ dừng, đó là đúng bến; không biết chỗ dừng, thì là lạc bến vậy... Như trung với vua, hiếu với cha mẹ, thân ái với anh em, hòa hợp chồng vợ, thủ tín với bạn bè, đó là trung vậy. Đối diện với của cải mà không tham, thấy lợi mà không tranh giành, vui với điều thiện mà bao dung được người, lấy tình thực mà ứng đãi với mọi vật, đó là trung vậy” (dẫn theo Đinh Gia Khánh, 2005: 124). Như vậy, chữ *trung* ở Nguyễn Bình Khiêm đã bao hàm trong nó cả *hiếu, tín, thuận hòa, thiện*. *Trung* là đầu mối của đạo làm người, là điều kiện để cho con người có đủ mọi đức tính tốt đẹp. Ông viết: “trung ở chỗ nào thì sự chí thiện ở chỗ đó. Nếu quả có thể lấy đây làm chuẩn tắc, biết chỗ quy kết trọng yếu, thì sự vật, cứ từ đó mà thi thố ra, không gì không đạt mức cực thiện, cái công đức tốt đẹp há có thể lường xiết được ru?” (dẫn theo Đinh Gia Khánh, 2005: 125).

Trung được biểu hiện ở nhiều nội dung, nhiều mối quan hệ. Trước hết *trung* được hiểu là trung với vua.

Theo Nho giáo truyền thống, *trung* là bổn phận của mỗi cá nhân – ‘bầy tôi’, tùy theo địa vị và năng lực mà làm cho hết trách nhiệm của mình với vua. Tiếp thu tư tưởng *trung quân* truyền thống của Nho giáo, Nguyễn Bình Khiêm khẳng định đạo vua tôi là đạo tối cao, xuyên suốt, đứng đầu trong “ngũ luân”. Tôn ti trật tự này đã được trời sắp xếp sẵn từ xưa đến nay: “Xưa nay đạo lớn, đạo quân thần, Hiếu đúng làm hay rõ trí nhân. Tôi giỏi vua

hiền muôn thuở ước, Trên hòa dưới hợp một tinh thần” (dẫn theo Đinh Gia Khánh, 2005: 756).

Tuy nhiên, trong thời kỳ lịch sử đầy biến động, chữ *trung* đã được Nguyễn Bình Khiêm quan niệm một cách linh hoạt. Ông không gò bó mình trong quan niệm *trung quân* khắt khe của Tống Nho, không tôn thờ quan niệm “tôi trung không thờ hai chúa”. Ông không chấp nhận bị ràng buộc trong sự ngu trung mù quáng. *Trung* với ông là tìm mình chúa mà thờ, tuyệt đối phục vụ mình quân: “vua hiền” thì “tôi sáng”, “vua ác” thì “tôi lui”. Cuộc đời Nguyễn Bình Khiêm đã thực chứng quan niệm trung quân cấp tiến của ông. Xét cho cùng, chữ *trung* của Nguyễn Bình Khiêm không chỉ đơn giản là *trung* với vua, mà sâu xa hơn, đó là *trung* với đạo lý, hướng đến nhân dân.

Trong đạo làm người, bên cạnh *trung*, Nguyễn Bình Khiêm còn chú ý đến *hiếu*. Ông nhắc nhở, trung với vua, hiếu với cha mẹ phải là điều luôn khắc ghi trong lòng, nó bền vững cùng trời đất, được truyền từ đời này sang đời khác: “Đạo chẳng nói suông, đạo vị nhân; Cha con nghĩa lớn rất yêu thân; Lòng từ lai láng nguồn thương mến; Chữ hiếu vương tròn nét ở ăn; Trước dựng đạo nhà theo phép lớn; Sau tròn việc nước thuận lòng dân; Cương thường muôn thuở luôn ngời sáng; Mong có trên đầu bậc thánh nhân” (dẫn theo Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 777). Hiếu tạo thành truyền thống thi

lễ của gia đình được giữ lại chung cho ngàn đời: “Quân thân tại niệm càn khôn lão, thi lễ truyền gia phụ tử đồng” (dẫn theo Đình Gia Khánh, 2005: 486).

Theo Nguyễn Bình Khiêm, *hiếu* vừa là cơ sở vừa là tiền đề của *trung*. Quan hệ cha con là quan hệ nền tảng, là cơ sở của quan hệ vua tôi. Bởi lẽ, một con người mà không có hiếu đối với ông bà, cha mẹ, không biết yêu thương, kính trọng những người sinh thành dưỡng dục mình, thì đối với quốc gia, dân tộc, họ khó có thể trung thành với “sự nghiệp của quân vương”. Hiếu chính là thể hiện của nếp nhà, trung là thể hiện của phép tắc xã hội, nếp nhà mà vuông tròn, lễ nghĩa thì là phúc của đất nước.

Không chỉ nói đến *trung* và *hiếu*, đạo lý làm người trong tư tưởng Nguyễn Bình Khiêm còn được thể hiện qua các mối quan hệ xã hội khác, từ mối quan hệ giữa vợ và chồng, quan hệ anh em đến quan hệ bạn bè. Với từng mối quan hệ xã hội cụ thể, ông đều nêu ra những nguyên tắc đối xử nhất định.

Đối với quan hệ chồng - vợ, Nguyễn Bình Khiêm khuyên phải cung kính, giúp đỡ và tin tưởng, lượng thứ cho nhau. Hai bên đều coi trọng lễ nghĩa, vừa yêu thương, vừa kính trọng vì chồng vợ đối với nhau là nghĩa tào khang, gắn bó thông cảm, chia sẻ, nên: “Lỗi nhỏ thứ cho đừng sá giận. Tình thân nghĩ đến cũng nên thương” vì “nghĩa vợ chồng xem rất trọng, ở đầu phong hóa phép chường nhà” (dẫn theo Đình Gia Khánh, 2005: 172).

Đối với quan hệ anh - em, ông khẳng định đó là một quan hệ cơ bản trong “ngũ luân”. Ông khuyên, anh em đối với nhau là tình thương yêu ruột thịt nên phải “Biết kính hay yêu miễn thuận hòa” hay “anh em mưa nỡ điều hơn thiệt”, “Em nên cung kính, anh lòng thương; Đạo lý xưa nay đã rõ ràng; Như thể tay chân liền khúc ruột; Cùng chung cảnh cội nức hoa hương; Sáo đàn chú bác trong thơ cổ; Chăn chiếu anh em giữa điện vàng” (dẫn theo Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng, 2014: 767). Anh em là tình cảm ruột thịt, có nền tảng là sự ràng buộc huyết thống, do cùng cha mẹ sinh ra, nên phải biết giúp đỡ, nương tựa nhau, bảo vệ nhau. Tình cảm huyết nhục là tình cảm tự nhiên và không thể thay đổi. Tình anh em là do tạo hóa sắp bày, nên anh em phải thuận hòa, người “cung” người “đế”, em nhỏ phải cung kính anh, anh lớn thì phải biết yêu thương em, sống có trách nhiệm và vị tha với nhau.

Đối với quan hệ bạn bè, theo ông, bạn bè đối với nhau phải tín nghĩa, “làm người dầu đã bạn cùng ai, chữ “tín” tua thìn chẳng chút sai, đừng có nòng chi rồi lại lật, nếu mà thắm lăm ắt liền phai” (dẫn theo Vũ Ngọc Khánh, 1998: 177-178).

Là một nho sĩ, Nguyễn Bình Khiêm chủ trương con người phải sống theo những nguyên tắc đạo đức “cương thường” của Nho gia là không có gì xa lạ, nhưng nội dung “cương thường” ở ông so với gốc Nho tuy có điểm gần

nhưng lại xa và phóng khoáng hơn, mang một ý nghĩa tích cực hơn.

3. GIÁ TRỊ CỦA TRIẾT HỌC NGUYỄN BÌNH KHIÊM TRONG LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG VIỆT NAM

Nguyễn Bình Khiêm là một nhân vật lớn trong lịch sử tư tưởng Việt Nam và là một con người đầy bản lĩnh. Trong tư tưởng của Nguyễn Bình Khiêm, những giá trị tinh thần, những tinh túy trong tư tưởng của dân tộc Việt Nam được tích lũy qua hàng ngàn năm đã được chắt lọc và làm sống động hơn, được phát triển lên một tầm cao mới, đánh dấu một điểm son trong tiến trình phát triển của tư tưởng Việt Nam. Sự đóng góp của Nguyễn Bình Khiêm trong lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam thể hiện trước hết và nổi bật nhất ở những tư tưởng chứa đựng yếu tố biện chứng trong nhận thức về tự nhiên và xã hội, ở nhân sinh quan mang đậm tính giáo huấn sâu sắc.

Trước hết, những tư tưởng về vũ trụ và sự biến chuyển, vận động vũ trụ của Nguyễn Bình Khiêm chứa đựng những yếu tố có tính chất biện chứng sâu sắc. Ông đã biết chắt lọc cái tinh túy của phép biện chứng trong *Kinh Dịch* và quan điểm duy vật mộc mạc trong văn hóa dân gian của Việt Nam, trình bày nó một cách có hệ thống và rõ ràng hơn. Phương pháp tư duy biện chứng ở Nguyễn Bình Khiêm dù còn nhiều hạn chế do chưa đạt tới tư duy biện chứng duy vật, nhưng về cơ bản phương pháp đó đã được định hình với tư cách là một hệ thống hoàn

chỉnh với đầy đủ các nguyên lý, quy luật cơ bản. Ông đã rút ra được những kết luận mang tính biện chứng quan trọng từ trong kho tàng kinh nghiệm dân gian. Mỗi quan hệ, chuyển hóa, tương sinh tương hỗ giữa Âm, Dương trong việc hình thành vạn vật trong tư tưởng của ông là biểu hiện cụ thể của mối liên hệ phổ biến nói chung. Nguyên lý về sự vận động cũng được Nguyễn Bình Khiêm nêu ra, thể hiện qua những quan điểm về lẽ biến dịch, biến hóa của vạn vật trong tự nhiên lẫn trong xã hội... Nhận thức được vũ trụ không phải là một hiện tượng trù tượng, bất động, tĩnh tại mà là một quá trình vận động biến hóa không ngừng là nét độc đáo trong tư tưởng của Nguyễn Bình Khiêm.

Đặc biệt, khi thừa nhận vũ trụ vận động, biến chuyển tuần hoàn cũng chứng tỏ Nguyễn Bình Khiêm thấy được những hình thức đơn giản của quy luật phủ định của phủ định. Bên cạnh đó, Nguyễn Bình Khiêm còn nắm bắt được những biểu hiện mang tính chất giản đơn của quy luật mâu thuẫn biện chứng - hạt nhân của phương pháp tư duy biện chứng - đó là sự đối lập lẫn nhau giữa: âm-dương, thiện-ác, lành-dữ, phúc-họa, danh-hư, khôn-dại, hữu-sự-vô sự, hữu-danh-vô danh... Nguyên tắc phân tích những mâu thuẫn như vậy được Nguyễn Bình Khiêm sử dụng thường xuyên trong thơ triết lý của ông. Theo cách hiểu của chúng ta ngày nay, việc Nguyễn Bình Khiêm trình bày

các cặp khái niệm mâu thuẫn trong sự đối lập với nhau như vậy chứng tỏ: ông đã có cái nhìn biện chứng về quy luật mâu thuẫn, trong đó các mặt đối lập không chỉ khác nhau, đối lập nhau, loại trừ nhau, thậm chí đối kháng nhau, mà còn đặt tiền đề cho nhau, bổ sung, nương tựa nhau, thâm nhập vào nhau, chuyển hóa qua lại với nhau.

Do còn nhiều hạn chế bởi điều kiện lịch sử, nên dù có những tư tưởng biện chứng ẩn chứa trong thơ văn nhưng xét ở góc độ tổng thể, Nguyễn Bình Khiêm cũng chưa thể chỉ rõ và hiểu rõ rằng: sự vật hiện tượng vừa là kết quả, đồng thời vừa là nguyên nhân của cái khác, không thể hiểu rõ được sự vật muốn biến đổi thành sự vật khác cần phải có những tích lũy từ sự biến đổi dần về lượng dẫn đến sự biến đổi về chất. Ông hiểu sự vật, hiện tượng vận động phải tuân theo quy luật nhưng sự vận động trong quan niệm của ông là sự vận động theo quy luật tuần hoàn, cứ xoay vần theo vòng tròn: khởi đầu từ một điểm rồi kết thúc cũng quay lại điểm xuất phát ấy. Những nguyên tắc của quy luật mâu thuẫn hay quy luật phủ định của phủ định (theo ngôn từ ngày nay) chỉ được đề cập một cách mờ nhạt và hết sức thô sơ trong tư tưởng Nguyễn Bình Khiêm. Tất cả những hạn chế trên là không thể tránh khỏi, dù vậy nó cũng không thể nào xóa mờ được những đóng góp to lớn về mặt tư tưởng của Nguyễn Bình Khiêm.

Bên cạnh những đóng góp về thể giới quan, Nguyễn Bình Khiêm còn có những đóng góp xuất sắc trong lĩnh vực xã hội, nổi bật là triết lý nhân sinh với quan niệm về đạo làm người, có tính chất giáo huấn sâu sắc. Nó không chỉ có ý nghĩa triết lý sâu xa đối với thời đại của ông, mà còn là những bài học to lớn trong lịch sử tư tưởng và thực tiễn Việt Nam ở nhiều thế kỷ tiếp sau; góp phần phát triển và nâng cao trình độ tư duy lý luận của nhân dân và khẳng định vị trí của Nguyễn Bình Khiêm trong lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam. Trong xã hội phong kiến những tư tưởng về trung, hiếu, tín, hòa... của Nguyễn Bình Khiêm rất gần với những chuẩn mực đạo đức chung của xã hội. Và bản thân Nguyễn Bình Khiêm là tấm gương sáng về việc giữ gìn nhân cách đạo đức, về tấm lòng thương dân yêu nước. Tấm gương ấy từ thế kỷ XVI vẫn phản chiếu một đường sáng chói soi rọi đến tận xã hội chúng ta hôm nay.

Hơn nữa, Nguyễn Bình Khiêm còn là một bậc thầy xuất sắc đương thời, do đó quan niệm về đạo lý làm người của ông cũng đã có những đóng góp quý báu cho lĩnh vực giáo dục, nhất là giáo dục nhân cách, đạo đức và cách đối nhân xử thế giữa người với người trong xã hội. Phan Huy Chú nhận định văn chương Nguyễn Bình Khiêm tự nhiên, mở miệng là thành văn không cần gọt giũa, giản dị mà sáng suốt không màu mè mà có ý vị, mọi lời lẽ đều quan hệ đến việc dạy đời (Trần Đình Hượu, 1999: 81).

Trong xã hội Việt Nam ngày nay, bên cạnh nền kinh tế thị trường đang phát triển, các giá trị văn hóa đạo đức đang có những biểu hiện xuống dốc, mối quan hệ giữa người với người có xu hướng thương mại hóa. Vì lợi ích, lợi nhuận một số người sẵn sàng bỏ qua các giá trị đạo đức, văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Do đó, những lời cảnh tỉnh, những lời khuyên của Nguyễn Bình Khiêm từ thế kỷ XVI đến nay vẫn có một ý nghĩa xã hội nhất định.

4. KẾT LUẬN

Xét ở góc độ lập ngôn, lập đức, Nguyễn Bình Khiêm đã đạt được một địa vị vững vàng trong lịch sử tư tưởng Việt Nam. Những tư tưởng triết học có nhiều yếu tố biện chứng tích cực cùng triết lý nhân sinh sâu sắc của ông là một trong những cơ sở lý luận cho Việt Nam trên bước đường xây dựng xã hội văn minh, ấm no, giàu mạnh. Đó cũng là những đóng góp quý giá của Nguyễn Bình Khiêm vào nền triết học Việt Nam. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đinh Gia Khánh (chủ biên). 2005. *Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm*. Hà Nội: Nxb. Văn học.
2. Trần Đình Hượu. 1999. *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
3. Viện Văn học - Hội đồng Lịch sử Hải Phòng. 2014. *Thơ Văn Nguyễn Bình Khiêm-Bạch Vân Am Thi tập, tổng tập*. Hà Nội: Nxb. Văn học.
4. Vũ Ngọc Khánh. 1998. *Ba hình tượng văn hóa Nguyễn Bình Khiêm*. Hải Phòng: Nxb. Hải Phòng.